

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 16 - 7 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn H.

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2019/TLDS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXDS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Minh H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Trị, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Hồng L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1953.

Ông H, bà L có mặt; bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông V và bà L1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lâm Minh H, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Lâm Minh H trình bày: Vào tháng 11 năm 2018, bà L có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà L đứng ra làm chủ thảo. Bà L đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết cho bà L tổng số tiền 185.000.000 đồng. Bà L đã bỏ tiền nhà ra để giao hụi cho các thành viên khác và các dây hụi này đã hoàn thành. Sau đó, bà L có vay thêm tiền của ông H số tiền 80.840.000 đồng nên các bên thống nhất lập giấy biên nhận nợ vay. Đến ngày 09 tháng 02 năm 2019, các bên chốt nợ thì bà L còn nợ lại ông H số tiền gốc 265.840.000 đồng. Khi các bên chốt nợ thì bà L có viết, ký tên vào trong 02 giấy biên nhận cùng ngày 09 tháng 02 năm 2019, xác định bà L có vay nợ của ông H số tiền gốc 265.840.000 đồng. Khi các bên chốt nợ vay thì bà L có giao cho ông H giữ một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên, nhưng không có làm biên nhận, không có công chứng, chứng thực theo quy định. Từ khi các bên chốt nợ vay đến nay, bà L chưa trả cho ông H được khoản tiền gốc, lãi nào. Bà L hiện nay sống độc thân vì bà L đã ly hôn nên đây là khoản nợ riêng của bà L chứ không L1 quan đến ai khác. Đồng thời, cha mẹ bà L là ông V và bà L1 cũng không L1 quan đến khoản nợ này. Sở dĩ, ông V và bà L1 với ông H lập giấy sang bán đất ngày 24 tháng 4 năm 2019 là để trả nợ thay cho bà L nhưng việc sang bán đất này các bên không thực hiện được, chưa giao nhận tiền, chưa giao nhận đất. Bởi vì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 đang thế chấp trong Ngân hàng nên ông H không có yêu cầu gì đối với việc mua bán đất này. Đây là tài sản chung của ông H và bà L nhưng bà L đồng ý để ông H đứng ra khởi kiện bà L. Nay ông H khởi kiện chỉ yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc 265.840.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, trả dần hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ thì ông H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L.

Ý kiến, đề nghị của bị đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày: Ban đầu bà chỉ thừa nhận nợ ông H số tiền gốc 185.000.000 đồng. Bà không thừa nhận chữ ký, chữ viết ở mục người mượn trong biên nhận ngày 09 tháng 02 năm 2019 đối với số tiền vay 265.840.000 đồng và yêu cầu Tòa án trung cầu, giám định. Tuy nhiên, sau đó bà đã thừa nhận chữ ký, chữ viết ở mục người mượn trong giấy biên nhận ngày 09 tháng 02 năm 2019 đối với số tiền gốc 265.840.000 đồng nên bà đồng ý trả nợ vay cho ông H số tiền gốc 265.840.000 đồng. Bà xác định từ khi các bên chốt nợ vay đến nay, bà chưa trả cho ông H được khoản tiền gốc, lãi nào. Khi các bên chốt nợ vay, bà có viết, ký tên vào trong 02 giấy biên nhận cùng ngày 09 tháng 02 năm 2019. Khi các bên chốt nợ vay thì bà có giao cho ông H giữ một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên, nhưng không có làm biên nhận, không có công chứng, chứng thực theo quy định. Bà hiện nay sống độc thân vì bà đã ly hôn nên đây là khoản nợ riêng của bà chứ không L1 quan đến ai khác. Đồng thời, cha mẹ bà là ông V và bà L1 cũng không L1 quan đến khoản nợ này. Sở dĩ, ông V và bà L1 với ông H lập

giấy sang bán đất ngày 24 tháng 4 năm 2019 là để trả nợ thay cho bà nhưng việc sang bán đất này các bên không thực hiện được. Bởi vì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 đang thế chấp trong Ngân hàng. Do đó, bà đồng ý trả nợ cho ông H số tiền vay gốc 265.840.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên bà xin ông H cho trả dần hàng năm, mỗi năm cứ vào tháng 11 trả 20.000.000, thời gian bắt đầu trả vào tháng 11 năm 2020 dương lịch cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan – Bà Đặng Hồng L trình bày: Bà xác định lời trình bày của ông H là đúng sự thật. Số tiền trong vụ án này là tài sản chung của bà với ông H. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và đồng ý để một mình ông H khởi kiện bà L. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà vì bà đi làm ăn xa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan – Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L1 không có ý kiến gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải cho các bên theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa thì xác định yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 265.840.000 đồng; buộc ông H phải trả lại cho bà L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn là bà L có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bà L, ông V, bà L1 tại phiên tòa: Bà L, ông V, bà L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông V và bà L1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông V, bà L1 là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông H khởi kiện yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay gốc 265.840.000 đồng là có chứng cứ

chứng minh thể hiện qua giấy biên nhận ngày 09 tháng 02 năm 2019 do bà L ký nhận nợ. Đồng thời, được bà L thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08 tháng 5 năm 2020. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay gốc 265.840.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về đề nghị xin trả dần hàng năm của bà L: Không được ông H đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Đối với việc bà L có thể chấp cho ông H giữ một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 927467 do bà L đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa cấp ngày 24 tháng 10 năm 2011. Xét thấy, việc thế chấp này giữa các đương sự không có công chứng, chứng thực, không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, buộc ông H hoàn trả lại một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà L.

[6] Đối với giấy sang bán đất ngày 24 tháng 4 năm 2019 được lập giữa ông H với ông V và bà L1: Ông H không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí trưng cầu, giám định chữ ký, chữ viết: Do ban đầu bà L không thừa nhận chữ ký, chữ viết ở mục người mượn trong biên nhận ngày 09 tháng 02 năm 2019 đối với số tiền vay 265.840.000 đồng nên ông H yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Ông H đã nộp tạm ứng lệ phí trưng cầu, giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với bà L thì bà L đã thừa nhận chữ ký, chữ viết ở mục người mượn trong biên nhận ngày 09 tháng 02 năm 2019 đối với số tiền vay 265.840.000 đồng là của bà L. Do đó, ông H không yêu cầu Tòa án trưng cầu, giám định chữ ký, chữ viết của bà L nữa. Ông H đã nhận lại đủ số tiền 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 265.840.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 12, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh H, buộc bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lâm Minh H số tiền 265.840.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Buộc vợ chồng ông Lâm Minh H phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 927467 do bà L đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa cấp ngày 24 tháng 10 năm 2011.

3. Về án phí:

3.1 Án phí của vụ án là 13.292.000 đồng (mười ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ chịu 13.292.000 đồng (mười ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

3.2 Về tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho ông Lâm Minh H 6.646.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007392 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

